**ThuyÕt minh dù ¸n øng dông khoa häc**

**vµ triÓn khai c«ng nghÖ**

**I. Th«ng tin chung vÒ dù ¸n**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | **Tên dự án** | | | | | **2** | **Mã số** |
|  | | | | | |  | |
| **3** | **Thời gian thực hiện:** .......... **tháng** | | **4** | **Cấp quản lý** | | | |
| **(Từ tháng** ......**/200**....  **đến tháng** ......**/200**....**)** | | | Tỉnh | | | | |
| **5** | **Thuộc Ch­ương trình** (ghi rõ tên chư­ơng trình, nếu có) | | | | | | |
|  | **Dự án độc lập** | | | | | | |
| **6** | **Tổng vốn thực hiện dự án** ........................... **triệu đồng, trong đó:** | | | | | | |
| **Nguồn** | | **Tổng số** (triệu đồng) | | | | | |
| - Từ Ngân sách sự nghiệp khoa học | |  | | | | | |
| - Vốn tự có của cơ quan chủ trì | |  | | | | | |
| - Khác (liên doanh...) | |  | | | | | |
| **7** | **Kinh phí thu hồi** ........................... **triệu đồng** (............... % kinh phí hỗ trợ từ ngân sách SNKH) | | | | | | |
| Thời gian thu hồi kinh phí (sau khi Dự án kết thúc): | | | | | **Đợt 1:** ........ tháng, | | |
|  | | | | | **Đợt 2:** ........ tháng | | |
| **8** | **Chủ nhiệm dự án** | | | | | | |
| Họ và tên:....................................................................  Năm sinh: ....................................... ........ ........ Nam/Nữ.  Học hàm: ............................................ .... .... .... Học vị:  Chức danh khoa học: ...................................................  Chức vụ: ......................................................................  Điện thoại: Cơ quan: .................. Nhà riêng: ..................... Mobile:  Fax: .................................................. E-mail:  Tên cơ quan đang công tác:  Địa chỉ cơ quan:  Địa chỉ nhà riêng: | | | | | | | |
| **9** | **Tổ chức chủ trì thực hiện Dự án** | | | | | | |
| Tên tổ chức chủ trì Dự án: ............................  Điện thoại: ...................................... Fax: ........  E-mail: .......................................  Website: .......................................  Địa chỉ: ..............................  Họ và tên thủ tr­ởng cơ quan: ..................  Số tài khoản: .....................................................  Ngân hàng: ........................................................  Tên cơ quan chủ quản dự án: ..................................... | | | | | | | |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **10** | | | **Tổ chức tham gia chính chuyển giao công nghệ, h­ướng dẫn kĩ thuật** | | | |
| ***10.1. Tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về công nghệ triển khai, kĩ thuật áp dụng, giải pháp hữu ích để cải tiến, nâng cao trình độ công nghệ***  Tên tổ chức chịu trách nhiệm về công nghệ:  Điện thoại: ................................ Fax: .......................  E-mail: .......................................  Website: ...............................................  Địa chỉ: ......................................................  Họ và tên thủ tr­ởng cơ quan: .................................................  Ng­ời chịu trách nhiệm chính về công nghệ, giải pháp, mô hình của Dự án:  ***10.2. Tổ chức khác***  Tên tổ chức:.................................................................................................  Điện thoại: ................................. Fax: ...................................  E-mail: ...................................................................  Website: ........................................................  Địa chỉ: .......................................................................  Họ và tên thủ trư­ởng cơ quan: .................................... | | | | | | |
| **11** | **Cán bộ thực hiện Dự án** | | | | | |
| (Ghi những ng­ười dự kiến đóng góp khoa học chính thuộc tổ chức chủ trì và cơ quan phối hợp tham gia thực hiện dự án, không quá 10 ng­ười kể cả chủ nhiệm dự án - mỗi ngư­ời có tên trong danh sách này cần khai báo lý lịch khoa học theo Biểu M4-LLCN) | | | | | | |
|  | **Họ và tên** | | | **Cơ quan công tác** | **Thời gian làm việc**  **cho dự án** (Số tháng quy đổi) | |
| 1 |  | | |  |  | |
| 2 |  | | |  |  | |
| … |  | | |  |  | |
| **12** | | | **Xuất xứ** | | | |
| [Ghi rõ xuất xứ của Dự án từ một trong các nguồn sau:  a) Các thành tựu khoa học công nghệ, các tiến bộ kĩ thuật (TBKT) đã phổ biến áp dụng vào sản xuất có hiệu quả, cần đ­ược nhân rộng;  b) Các công nghệ tạo ra sản phẩm mới, cần phải hoàn thiện qui trình, cải tiến một số khâu để nâng cao trình độ công nghệ (trong đó bao gồm cả các nhiệm vụ đư­ợc hỗ trợ theo qui định tại khoản 1 điều 8 Nghị định 119/1999/NĐ-CP ngày 18/9/1999 của Chính phủ) ;  c) Các công nghệ tiên tiến, kết quả nghiên cứu, sáng chế, giải pháp hữu ích đã áp dụng thành công ở nơi khác có điều kiện phù hợp với địa phư­ơng như­ng chư­a triển khai tại địa ph­ương.  *(Nêu rõ tên, địa chỉ, nguồn gốc, xuất xứ, hồ sơ liên quan*) | | | | | | |
| **13** | | **Tính cấp thiết, khả thi và hiệu quả của Dự án** | | | |
| ***13.1. Về công nghệ, giải pháp, mô hình là xuất xứ của Dự án đã nêu tại mục 12 và mục tiêu, công nghệ dự kiến đạt được của Dự án*** (nêu tính mới, ­ưu việt, tiên tiến của công nghệ dự kiến áp dụng; trình độ công nghệ so với công nghệ hiện có ở khu vực, trong tỉnh, khả năng triển khai công nghệ tại địa phư­ơng, tính phù hợp của công nghệ đối với phương án sản xuất và yêu cầu của thị trư­ờng,...).  .......................................................................................................................................  ***13.2. Lợi ích kinh tế, khả năng thị tr­ường và cạnh tranh của sản phẩm Dự án*** (hiệu quả kinh tế mang lại khi áp dụng kết quả của Dự án; khả năng mở rộng quy mô sản xuất ứng dụng thành quả công nghệ hoặc nhân rộng mô hình thử nghiệm đã thành công, tạo ra thị trư­ờng ở trong n­ước và xuất khẩu: nêu rõ các yếu tố chủ yếu làm tăng khả năng thành công và nâng cao chất lư­ợng sản phẩm, hạ giá thành của sản phẩm dự án so với các sản phẩm cùng loại, chẳng hạn: sử dụng nguồn nguyên liệu tại chỗ, của địa phư­ơng, giá nhân công rẻ, phí vận chuyển thấp, tính ư­u việt của công nghệ, sản xuất ra sản phẩm hàng hoá tập trung...).  .......................................................................................................................................  ***13.3. Tác động của kết quả Dự án đến kinh tế-xã hội, an ninh, quốc phòng*** (tác động của sản phẩm Dự án đến phát triển KT-XH, môi tr­ường, khả năng tạo thêm việc làm, ngành nghề mới ảnh h­ưởng đến sức khoẻ con ng­ười, đảm bảo an ninh, quốc phòng...).  .......................................................................................................................................  ***13.4. Năng lực thực hiện Dự án*** (mức độ cam kết và năng lực thực hiện của các tổ chức tham gia chính trong Dự án: năng lực khoa học, công nghệ của ng­ười thực hiện và cơ sở vật chất-kỹ thuật, các cam kết bằng hợp đồng về mức đóng góp vốn, sử dụng cơ sở vật chất kỹ thuật, lao động, bao tiêu sản phẩm, phân chia lợi ích về khai thác quyền sở hữu trí tuệ, chia sẻ rủi ro)  .......................................................................................................................................  ***13.5. Khả năng ứng dụng, chuyển giao, nhân rộng kết quả của Dự án***(nêu rõ phương án về tổ chức sản xuất nhân rộng kết quả, chuyển giao công nghệ; thành lập doanh nghiệp mới để sản xuất-kinh doanh,...).  ....................................................................................................................................... | | | | | |

**II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHƯ­ƠNG ÁN TRIỂN KHAI DỰ ÁN**

|  |  |
| --- | --- |
| **14** | **Mục tiêu** |
| ***14.1 Mục tiêu của Dự án sản xuất[[1]](#footnote-1)[2] hoặc chuyển giao công nghệ đặt ra*** ( là Mục tiêu chung về yếu tố công nghệ, khả năng ứng dụng, chất lư­ợng sản phẩm; quy mô sản xuất, triển vọng phát triển nhân rộng)  .....................................................................................................................................  ***14.2 Mục tiêu của Dự án sản xuất thử, mô hình trình diễn, mô hình ứng dụng, nghiên cứu giải pháp cải tiến*** (là mục tiêu cụ thể về trình độ công nghệ, giải pháp hữu ích sẽ đ­ưa vào sản xuất, tạo ra mô hình dự kiến và quy mô sản phẩm của dựa án)  ..................................................................................................................................... | |
| **15** | **Nội dung** |
| ***15.1 Mô tả công nghệ, sơ đồ hoặc quy trình sản xuất, mô hình mẫu ứng dụng (là xuất xứ của Dự án) để triển khai trong Dự án***  .....................................................................................................................................  ***15.2 Phân tích những vấn đề mà Dự án cần giải quyết về kĩ thuật, công nghệ, mô hình*** (thực tế của công nghệ đang áp dụng ở địa phư­ơng cần thay đổi, công nghệ mới cần áp dụng phải làm thử trình diễn; hoặc cần đ­ược cải tiến một số khâu để nâng cao trình độ công nghệ đã có; hoặc làm chủ quy trình công nghệ và nắm vững các thông số kỹ thuật; ổn định chất lư­ợng sản phẩm, chủng loại sản phẩm; nâng cao khối l­ượng sản phẩm cần sản xuất để khẳng định công nghệ và quy mô của Dự án);  .....................................................................................................................................  ***15.3 Liệt kê và mô tả nội dung, các bước công việc cần thực hiện để giải quyết những vấn đề đặt ra, kể cả đào tạo bồi dư­ỡng đội ngũ cán bộ, công nhân kỹ thuật đáp ứng cho việc thực hiện Dự án ứng dụng .***  ..................................................................................................................................... | |
| **16** | **Ph­ương án triển khai** |
| ***16.1. Phương án tổ chức ứng dụng công nghệ vào sản xuất, làm thử và xây dựng mô hình trình diễn:***  *a) Phương thức tổ chức thực hiện:*  (- Đối với đơn vị chủ trì là doanh nghiệp: cần làm rõ năng lực tổ chức ứng dụng công nghệ vào sản xuất thử và hoàn thiện công nghệ theo mục tiêu trong Dự án; Phương án liên doanh, phối hợp với các tổ chức KH&CN trong việc phát triển ứng dụng, hoàn thiện công nghệ;  - Đối với đơn vị chủ trì là tổ chức khoa học và công nghệ: cần khẳng định rõ về năng lực thử nghiệm và hoàn thiện công nghệ theo mục tiêu của Dự án; việc liên doanh với doanh nghiệp để tổ chức đ­ưa công nghệ vào sản xuất thử (kế hoạch/Phương án của doanh nghiệp về bố trí địa điểm, điều kiện cơ sở vật chất, đóng góp về vốn, về nhân lực, về khả năng tiêu thụ sản phẩm của Dự án phục vụ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, phương thức phân chia lợi nhuận;...)  .....................................................................................................................................  *b) Mô tả, phân tích và đánh giá các điều kiện triển khai Dự án:*  - Địa điểm thực hiện Dự án (nêu địa chỉ cụ thể, nêu thuận lợi và hạn chế về cơ sở hạ tầng như­ giao thông, liên lạc, điện nước.... của địa bàn triển khai Dự án); nhà xưởng, mặt bằng hiện có (m2), dự kiến cải tạo, mở rộng,.....;  - Trang thiết bị chủ yếu đảm bảo cho triển khai Dự án sản xuất thử (làm rõ những trang thiết bị đã có, bao gồm cả liên doanh với các đơn vị tham gia, trang thiết bị cần thuê, mua hoặc tự thiết kế chế tạo; khả năng cung ứng trang thiết bị của thị trường cho Dự án;......);  - Nguyên vật liệu (khả năng cung ứng nguyên vật liệu chủ yếu cho quá trình sản xuất thử nghiệm, làm rõ những nguyên vật liệu cần nhập của nước ngoài;.....);  - Nhân lực cần cho triển khai Dự án: số cán bộ KHCN và công nhân lành nghề tham gia thực hiện Dự án; kế hoạch tổ chức nhân lực tham gia Dự án; nhu cầu đào tạo phục vụ Dự án (số lượng cán bộ, kỹ thuật viên, công nhân).  - Môi trường (đánh giá tác động môi trường do việc triển khai Dự án và giải pháp khắc phục);  ..................................................................................................................................... | |
| ***16.2. Ph­ương án tài chính*** (phân tích và tính toán tài chính của quá trình thực hiện Dự án) trên cơ sở:  - Tổng vốn đầu tư­ để triển khai Dự án, trong đó nêu rõ vốn cố định, vốn lưu động cho một khối lượng sản phẩm cần thiết trong một chu kỳ sản xuất thử để có thể tiêu thụ và tái sản xuất cho đợt sản xuất tiếp theo (trong trường hợp cần thiết);  - Phương án huy động và sử dụng các nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước tham gia Dự án (kèm theo các văn bản pháp lý minh chứng cho việc huy động các nguồn vốn: báo cáo tài chính của doanh nghiệp trong 2-3 năm gần nhất; cam kết cho vay vốn hoặc bảo lãnh vay vốn của ngân hàng; cam kết pháp lý về việc đóng góp vốn của các tổ chức tham gia Dự án,...);  - Phương án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước (các nội dung chi bằng nguồn vốn này).  - Tính toán, phân tích giá thành sản phẩm của Dự án (theo từng loại sản phẩm của Dự án nếu có); thời gian thu hồi vốn.  ***Các số liệu cụ thể của Phương án tài chính được trình bày tại các bảng 1-5 và các phụ lục 1-7)*** | |
| ***16.3. Dự báo nhu cầu thị trường và Phương án kinh doanh sản phẩm của Dự án*** (giải trình và làm rõ thêm các bảng tính toán và phụ lục kèm theo bảng 3-5, phụ lục 9);  - Dự báo nhu cầu thị trường (dự báo nhu cầu chung và thống kê danh mục các đơn đặt hàng hoặc hợp đồng mua sản phẩm Dự án);  - Phương án tiếp thị sản phẩm của Dự án (tuyên truyền, quảng cáo, xây dựng trang website, tham gia hội chợ triển lãm, trình diễn công nghệ, tờ rơi,...);  - Phân tích giá thành, giá bán dự kiến của sản phẩm trong thời gian sản xuất thử nghiệm; giá bán khi ổn định sản xuất (so sánh với giá sản phẩm nhập khẩu, giá thị trường trong nước hiện tại; dự báo xu thế giá sản phẩm cho những năm tới); các phương thức hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm Dự án;  - Phương án tổ chức mạng l­ới phân phối sản phẩm khi phát triển sản xuất quy mô công nghiệp.  ..................................................................................................................................... | |
| **17** | **Sản phẩm của Dự án** |
| [Phân tích, làm rõ các thông số và so sánh với các sản phẩm cùng loại trong nước và của nước ngoài: (a)Dây chuyền công nghệ, các thiết bị, quy trình công nghệ đã được ổn định (quy mô, các thông số và tiêu chuẩn kỹ thuật); (b)Sản phẩm đăng ký sở hữu công nghiệp (nếu có); (c)Ấn phẩm (nếu có); (d)Đào tạo cán bộ; (e)Sản phẩm sản xuất thử (chủng loại, khối lượng, tiêu chuẩn chất lượng), (g) mô hình sản xuất trình diễn].  ..................................................................................................................................... | |
| **18** | **Phương án phát triển của Dự án sau khi kết thúc** |
| ***18.1. Phương thức triển khai*** [Mô tả rõ phương án/kế hoạch triển khai lựa chọn trong các loại hình sau đây: (a)Đ­a vào sản xuất công nghiệp của doanh nghiệp; (b)Nhân rộng, chuyển giao kết quả của Dự án; (c)Liên doanh, liên kết; (d)Thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ mới để tiến hành sản xuất- kinh doanh; (e)Hình thức khác: Nêu rõ].  .....................................................................................................................................  ***18.2. Quy mô sản xuất*** (công nghệ, nhân lực, sản phẩm,...)  .....................................................................................................................................  ***18.3. Tổng số vốn của Dự án sản xuất.***  ..................................................................................................................................... | |

**III. PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH CỦA DỰ ÁN**

Tổng kinh phí cần thiết để triển khai Dự án = Vốn cố định của Dự án - Giá trị còn lại của thiết bị và nhà xưởng đã có + Kinh phí hỗ trợ công nghệ + Vốn lưu động.

**\* Vốn cố định của Dự án sản xuất gồm:** (a)Thiết bị, máy móc đã có (giá trị còn lại); (b)Thiết bị, máy móc mua mới; (c)Nhà xưởng, dây chuyền sản xuất đã có (giá trị còn lại); (d)Nhà xưởng xây mới hoặc cải tạo.

**\* Vốn lưu động:** chỉ tính chi phí để sản xuất khối lượng sản phẩm cần thiết có thể tiêu thụ và tái sản xuất cho đợt sản xuất đợt tiếp theo.

**\* Kinh phí hỗ trợ công nghệ:** chi phí hoàn thiện, ổn định các thông số kinh tế-kỹ thuật.

**Bảng 1.Tổng kinh phí đầu tư­ cần thiết để triển khai Dự án**

*Đơn vị: triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Nguồn vốn | Tổng cộng | Trong đó | | | | | | |
| Vốn cố định | | Kinh phí hỗ trợ công nghệ | Vốn lưu động | | | |
| Thiết bị, máy móc mua mới | Nhà xưởng xây dựng mới và cải tạo | Chi phí lao động | Nguyên vật liệu, năng lượng | Thuê thiết bị, nhà xưởng | Khác |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| *1* | *Ngân sách SNKH:*  - Năm thứ 1: |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - Năm thứ hai: |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - Năm thứ ba: |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *2* | *Các nguồn vốn khác* |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - Vốn tự có của  cơ sở |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - Khác (vốn huy động, ...) |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Cộng: | |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Bảng 2. Tổng chi phí và giá thành sản phẩm** (Trong thời gian thực hiện Dự án)

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Nội dung** | **Tổng số chi phí** (1000đ) | **Trong đó theo sản phẩm** | | | **Ghi chú** |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 |
| **A** | **Chi phí trực tiếp** |  |  |  |  |  |
| 1 | Nguyên vật liệu, bao bì |  |  |  |  | Phụ lục 1 |
| 2 | Điện, nước, xăng dầu |  |  |  |  | Phụ lục 2 |
| 3 | Chi phí lao động |  |  |  |  | Phụ lục 6 |
| 4 | Sửa chữa, bảo trì thiết bị |  |  |  |  | Phụ lục 7 |
| 5 | Chi phí quản lý |  |  |  |  | Phụ lục 7 |
| **B** | **Chi phí gián tiếp và khấu hao tài sản cố định** |  |  |  |  |  |
| 6 | Khấu hao thiết bị cho dự án  - Khấu hao thiết bị cũ  - Khấu hao thiết bị mới |  |  |  |  | Phụ lục 3 |
| 7 | Khấu hao nhà xưởng cho dự án  - Khấu hao nhà xưởng cũ  - Khấu hao nhà xưởng mới |  |  |  |  | Phụ lục 5 |
| 8 | Thuê thiết bị |  |  |  |  | Phụ lục 3 |
| 9 | Thuê nhà xưởng |  |  |  |  | Phụ lục 5 |
| 10 | Phân bổ chi phí hỗ trợ công nghệ |  |  |  |  | Phụ lục 4 |
| 11 | Tiếp thị, quảng cáo |  |  |  |  | Phụ lục 7 |
| 12 | Khác (trả lãi vay, các loại phí,...) |  |  |  |  | Phụ lục 7 |
| - Tổng chi phí sản xuất thử nghiệm (A+B): | |  |  |  |  |  |
| - Giá thành 1 đơn vị sản phẩm: | |  |  |  |  |  |

**Ghi chú:**

*- Khấu hao thiết bị và tài sản cố định:*  tính theo quy định của Nhà nước đối với từng loại thiết bị của từng ngành kinh tế t­ơng ứng.

*- Chi phí hỗ trợ công nghệ:* được phân bổ cho thời gian thực hiện Dự án sản xuất thử nghiệm và 01 năm đầu sản xuất ổn định (tối đa không quá 3 năm).

**Bảng 3. Tổng doanh thu**(Cho thời gian thực hiện Dự án)

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên sản phẩm** | **Đơn vị** | **Số lượng** | **Giá bán dự kiến**  (1000 đ) | **Thành tiền**  (1000 đ) |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| **Cộng:** | | | | |  |

**Bảng 4. Tổng doanh thu**(Cho 1 năm đạt 100% công suất)

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên sản phẩm** | **Đơn vị** | **Số lượng** | **Đơn giá**  **(1000 đ)** | **Thành tiền**  **(1000 đ)** |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |
| **Cộng:** | | | | |  |

**Bảng 5. Tính toán hiệu quả kinh tế Dự án** (cho 1 năm đạt 100% công suất)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Tiền (1000 đ)** |
| 1 | 2 | 3 |
| 1 | Tổng vốn đầu tư­ cho Dự án |  |
| 2 | Tổng chi phí, trong một năm |  |
| 3 | Tổng doanh thu, trong một năm |  |
| 4 | Lãi gộp (3) - (2) |  |
| 5 | Lãi ròng : (4) - (thuế + lãi vay+ các loại phí) |  |
| 6 | Khấu hao thiết bị, XDCB và chi phí hỗ trợ công nghệ trong 1 năm |  |
| 7 | Thời gian thu hồi vốn T (năm, ­ước tính) |  |
| 8 | Tỷ lệ lãi ròng so với vốn đầu tư­, % (­ước tính) |  |
| 9 | Tỷ lệ lãi ròng so với tổng doanh thu, % (­ước tính) |  |

**Chú thích :**

- Tổng vốnđầu tư­ bao gồm: tổng giá trị còn lại của thiết bị, máy móc và nhà xưởng đã có + tổng giá trị của thiết bị, máy móc mua mới và nhà xưởng bổ sung mới (kể cả cải tạo) + chi phí hỗ trợ công nghệ;

- Thuế: gồm thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng và các loại thuế khác nếu có, trong 1 năm;

- Lãi vay: là các khoản lãi vay phải trả trong 1 năm.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thời gian thu hồi vốn T** = | Tổng vốn đầu tư | | | = |  | | **=** ……… **năm** | |
| Lãi ròng + khấu hao | | |  | |
|  |  | | |  |  | |  | |
| **Tỷ lệ lãi ròng so với vốn đầu tư** = | | Lãi ròng | x 100 = | | |  | | x 100 **=** … **%;** |
| Tổng vốn đầu tư |  | |
|  | |  |  | | |  | |  |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tỷ lệ lãi ròng so với tổng doanh thu** = | Lãi ròng | x 100 = |  | x 100 **=** …**%;** |
| Tổng doanh thu |  |
|  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **18** | **Hiệu quả kinh tế - xã hội** |
| (Tiết kiệm nguyên nhiên vật liệu, năng lượng, giảm giá thành và tăng sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hoá, giảm nhập khẩu, tạo công ăn việc làm, bảo vệ môi trường....)  ..................................................................................................................................... | |

**IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

|  |  |
| --- | --- |
| *Ngày...... tháng ...... năm 200....* | *Ngày ...... tháng ...... năm 200....* |
| **Chủ nhiệm Dự án** (Họ tên và chữ ký) | **Cơ quan chủ trì Dự án** (Chữ ký, đóng dấu) |
| *Ngày...... tháng ...... năm 200....*  **Sở Khoa học và Công nghệ Nam Định** | |

1. [↑](#footnote-ref-1)